

iBiotec[®]

NEUTRALÈNE[®] V 200

DUNG MÔI ĐA NĂNG HIỆU SUẤT CAO

Công thức dung môi công suất mạnh để tẩy dầu mỡ, làm sạch, khử
nhiễm,

chuẩn bị bề mặt

Chất tẩy dầu mỡ được chứng nhận NSF A1 cho ngành công
nghiệp thực phẩm (FI)

Dung môi điện môi (IEC 50.000 vôn) để khử nhiễm khi làm sạch
bằng

phương pháp ướt

Chất làm sạch phanh, băng tải và xích cầu hiệu quả

Đảm bảo không chứa dung môi clo, chất thơm, xeton, dung môi
n-Hexan

Tốc độ bay hơi cực nhanh: 9 phút ở 20°C (luồng không khí bằng 0)

MÔ TẢ

iBiotec Neutralene[®] V 200 là dung môi dùng để làm sạch và
chuẩn bị bề mặt.

Công thức có tốc độ bay hơi rất cao và KB (công suất dung môi)
rất cao.

Tẩy dầu mỡ trong gia công cơ khí, chất dẻo và bảo dưỡng công
nghiệp.

Khử nhiễm các thiết bị điện không có điện áp.

Làm sạch mực, keo, chất kết dính và nhựa.

Làm sạch và tẩy cặn phanh và lót phanh.

Chuẩn bị bề mặt trước khi dán, sơn hoặc trang trí.

PHẠM VI SỬ DỤNG

TẨY DẦU MỠ TRONG GIA CÔNG CƠ KHÍ VÀ CHẤT DẸO

Dung môi tuyệt vời cho các loại dầu, mỡ bôi trơn, các sản phẩm bảo vệ tạm thời.

Tương thích với hầu hết các loại chất dẻo và chất đàn hồi cũng như kim loại, kể cả kim loại quý và tráng.

LÀM SẠCH MỰC TRONG MỸ THUẬT ĐỒ HỌA IN ẤN

Hiệu quả trong việc tẩy xóa mực lỏng hoặc mực nhờn, mực in lụa. Dùng để tẩy dầu mỡ chần, giặt chần và ống dẫn mực, làm sạch màn hình in lụa.

LÀM SẠCH KEO DÍNH HOẶC NHỰA THỪA

Chất pha loãng rất tốt cho hầu hết các vật liệu hữu cơ. Dung môi tốt cho các chất kết dính bao gồm chất lỏng kỵ khí, bột nhão hoặc gel, chất kết dính UV, chất dẻo và nhựa không liên kết chéo.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT TRƯỚC KHI DÁN KEO HOẶC SƠN

Có thể được sử dụng để làm sạch các bộ phận kim loại, một số chất dẻo, vật liệu tổng hợp, chất đàn hồi. Được sử dụng để loại bỏ ô nhiễm hữu cơ hoặc vô cơ trước khi xử lý bề mặt. Không chứa bất kỳ chất ổn định nào, giúp ngăn ngừa bất kỳ vấn đề ôxy hóa nào. Cải thiện độ bám dính.

LÀM SẠCH PHANH VÀ CÔN

Dung môi tuyệt vời dùng cho dầu phanh, cặn, bụi đóng cặn và cặn kim loại.

Tốc độ bay hơi được điều chỉnh để cho phép chất tẩy rửa thâm nhập vào toàn bộ hệ thống phanh và hòa tan hoàn toàn bụi bẩn. Không để lại cặn.

Đảm bảo không chứa xeton.

KHỬ CẶN THIẾT BỊ ĐIỆN CÓ THỂ HOÀN LẠI

Sản phẩm có độ tinh khiết cao. Có thể được sử dụng để khử cặn thiết bị điện nhạy cảm với dung môi không hữu cơ (có điện áp đánh thủng 50.000 vôn, phù hợp với tiêu chuẩn IEC 156). Cũng

có thể được sử dụng để tẩy dầu mỡ động cơ điện; không ảnh hưởng đến vecni cách điện.

Lắp ráp	Xưởng bảo dưỡng	Ngành thép
Kỹ sư cơ khí	Cơ khí chính xác	Xử lý bề mặt
Chế biến kim loại	Sản xuất và bảo dưỡng ô tô	Hàng không

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Lắc bình trong vài giây.
Phun lên bề mặt cần xử lý cho đến khi loại bỏ hết ô nhiễm hữu cơ hoặc vô cơ. Lau bằng tay nếu cần thiết.
Khí dung có thể được sử dụng ở mọi vị trí.
Thử nghiệm trước trên các vật liệu dẻo nhạy cảm với dung môi hữu cơ.
Nguy hiểm ở dạng khí dung. Quan sát các biện pháp phòng ngừa an toàn, các cụm từ an toàn trên bao bì, tham khảo bảng dữ liệu an toàn. Chỉ dành cho mục đích sử dụng chuyên nghiệp.

CÁC ĐẶC TÍNH VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC TIÊU BIỂU

ĐẶC TÍNH	TIÊU CHUẨN	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ
Vẻ bề ngoài	Thị giác	Chất lỏng	-
Màu sắc*	Thị giác	Không màu	-
Mùi	Khứu giác	Nhẹ	-
Mật độ ở 25°C	NF EN ISO 12185	0,763	kg/m ³
Chỉ số khúc xạ	ISO 5661	1,4190	-
Điểm đóng băng	ISO 3016	-30	°C
Độ hòa tan trong nước	-	Một phần	%
Độ nhớt động học ở 40°C	NF EN 3104	1,8	mm ² /s
Giá trị axit	EN 14104	<0,1	mg(KOH)/g

Giá trị i-ốt	NF EN 14111	n.m	gI ₂ /100g
Hàm lượng nước	NF ISO 6296	0,0	%
Cặn sau khi bay hơi	NF T 30-084	0,0	%
Áp suất hơi ở 20°C	NF EN 13016-1	>0,1	hPa

ĐẶC ĐIỂM HIỆU SUẤT

ĐẶC TÍNH	TIÊU CHUẨN	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ
Chỉ số KB	ASTM D 1133	90	-
Tốc độ bay hơi	-	9	phút
Sức căng bề mặt ở 20°C	ISO 6295	<21,4	Dynes/cm
Điện áp đánh thủng	NF EN 60156 / IEC 156	50.000	Volt
Ăn mòn lưới đồng 100h ở 40°C	ISO 2160	1a	Rating

ĐẶC TÍNH AN TOÀN CHÁY NỔ

ĐẶC TÍNH	TIÊU CHUẨN	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ
Điểm chớp cháy (chân không)	ISO 2719	23	°C
Điểm tự bốc cháy	ASTM E 659	240	°C
Giới hạn nổ dưới	NF EN 1839	0,4	% (theo thể tích)
Giới hạn nổ trên	NF EN 1839	5,8	% (theo thể tích)
Hàm lượng các chất dễ nổ, oxy hóa, dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy	Quy định CLP	100	%

ĐẶC TÍNH ĐỘC TỐ

ĐẶC TÍNH	TIÊU CHUẨN	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ
----------	------------	---------	--------

Giá trị anisidine	NF ISO 6885	0	-
Giá trị peroxit	NF ISO 3960	0	meq(O ₂)/kg
TOTOX (giá trị anisidine + 2x giá trị peroxit)	-	0	-
CMR, hàm lượng chất gây kích ứng và ăn mòn	Quy định CLP	0	%
Hàm lượng metanol dư từ quá trình đổi khác cấu trúc este	GC-MS	0	%
Phát thải các hợp chất độc hại, CMR, chất kích thích, ăn mòn ở 160°C.	GC-MS	nm	%
ĐẶC TÍNH MÔI TRƯỜNG			
ĐẶC TÍNH	TIÊU CHUẨN	GIÁ TRỊ	ĐƠN VỊ
Khả năng phân hủy sinh học	OCDE 301 A/C	>80 , >80	%
Áp suất hơi ở 20°C	-	>0,1	hPa
Hàm lượng VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	-	100	%
Hàm lượng lưu huỳnh	GC-MS	0	%
Hàm lượng benzen	ASTM D6229	0	%
Tổng hàm lượng halogen	GC-MS	0	%
Hàm lượng dung môi clo hóa	-	0	%
Hàm lượng dung môi thơm	-	0	%
Hàm lượng các chất độc hại đối với môi trường	Quy định CLP	0	%
Hàm lượng các hợp chất có tiềm năng làm nóng địa cầu (GWP)	-	0	%

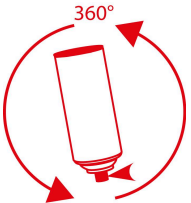
Hàm lượng các hợp chất có tiềm năng suy giảm tầng ozon (ODP)	-	0	%
Phân tích vòng đời, cân bằng cacbon.	ISO 14040	nm	Tương đương cacbon Kg

*nm: không được đo hoặc không đo được

KIỂU CÁCH



Nonfood Compounds
Program Listed A1
149055



360°



Chất đẩy kh
cháy và trơ,
với 3%
nguồn gốc t
nhiên

97% sản ph
hoạt tính có
trong khí du

Bình xịt khí dung 650
ml



EXPIRY
DATE
EXTENDED
TO
5
Years

Thùng 20 L





Sản phẩm dùng cho ngành công nghiệp thực phẩm (FI)

Có thể tạo thành một phần của phương pháp hoặc phương pháp tiếp cận HACCP

**Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn
ISO 22000 CODEX ALIMENTARIUS**

Danh mục NSF:

Chất tẩy rửa A1: để sử dụng trong các lĩnh vực sản xuất thực phẩm. Có thể được sử dụng như chất tẩy rửa làm sạch thông thường trên tất cả các bề mặt.

Sau khi sử dụng, cần rửa lại bằng nước uống.